

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 583 /CTKTTL-TCHC
Về việc Công bố thông tin theo
Nghị định số 47/2021/NĐ-CP
ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản liên quan phải công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Công bố nội dung Quyết định số 162/QĐ-CTKTTL ngày 23/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận kính báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Thông tin và truyền thông (để công bố);
- Sở Tài chính (thay b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Cổng thông tin điện tử Công ty (khaithacthuyloininhthuan.com.vn);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.business.gov.vn>);
- Email: info@business.gov.vn;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Công Xung

Số: 162 /QĐ-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ Quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận; Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 1315/UBND-KTTH ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc có ý kiến Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-CTKTTL ngày 28/3/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 3303/STC-VP ngày 13/8/2024 của Sở Tài chính về việc ý kiến thống nhất phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 3862/UBND-KTTH ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023 đã được kiểm toán: **6.937.919.928 đồng.**

- Công ty trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

1. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 2.081.375.978 đồng
2. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.147.889.108 đồng, trong đó:
 - + Quỹ khen thưởng (40%): 1.259.155.643 đồng.
 - + Quỹ phúc lợi (60%): 1.888.733.465 đồng.

3. Lợi nhuận còn lại sau thuế của sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi phải nộp về ngân sách nhà nước là: 1.708.654.842 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng, Ban, Trưởng các Trạm thủy nông trực thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở Nông Nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Cục Thuế tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, KSV Công ty;
- Lưu: VT, TV_{VPBT}.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Công Xung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3862 /UBND-KTTH
V/v có ý kiến về phân phối
lợi nhuận và trích lập các quỹ
năm 2023 của Công ty
TNHH MTV Khai thác thủy
lợi Ninh Thuận

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công
trình thủy lợi Ninh Thuận.

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận tại Tờ trình số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 (đã được Kiểm soát viên tại Công ty có ý kiến tại Văn bản số 401/BC-KSV ngày 07/8/2024); ý kiến Sở Tài chính tại Văn bản số 3303/STC-VP ngày 13/8/2024,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3303/STC-VP ngày 13/8/2024.

2. Giao Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận có trách nhiệm thực hiện việc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ năm 2023 theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. NDT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3303 /STC-VP
V/v thống nhất phân phối lợi
nhuận và trích lập các quỹ năm
2023 của Công ty TNHH MTV
Khai thác công trình thủy lợi.

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp nhận Tờ trình số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023; Văn bản số 401/BC-KSV ngày 07/8/2024 của Kiểm soát viên Báo cáo thẩm định phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Căn cứ các qui định:

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

- Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

- Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính Điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2023 (xếp loại A); Văn bản số 1315/UBND-KTTH ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc có ý kiến báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận đề nghị phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023, Sở Tài chính có ý kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023, như sau:

Theo Báo cáo tài chính năm 2023: Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2023 là **6.937.919.928 đồng** (*hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW cấp hỗ trợ là 3.790.030.820 đồng; hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu; hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác là 3.147.889.108 đồng*).

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “*Doanh nghiệp thực hiện hình thức giao nhiệm vụ không sử dụng kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích để trích 02 quỹ khen thưởng phúc lợi*”; Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp trích lập theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp (30%); quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động từ nguồn *lợi nhuận hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi*, cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác; số lợi nhuận còn lại từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW hỗ trợ sẽ nộp trả ngân sách; quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên không có để trích lập, cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (30%): 2.081.375.978 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLĐ: 3.147.889.108 đồng
- Trích quỹ thưởng cho NQL doanh nghiệp, kiểm soát viên: 0 đồng
- Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách nhà nước: **1.708.654.842 đồng.**

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thống nhất phân phối lợi nhuận và trích các lập quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Chủ tịch Công ty quyết định phê duyệt để Công ty làm cơ sở thực hiện./.

Đính kèm: Tờ trình số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi; Báo cáo Kiểm soát viên văn bản số 401/BC-KSV ngày 07/8/2024; Văn bản số 1315/UBND-KTTH ngày 26/3/2024 của UBND thống nhất báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 công bố đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước năm 2023 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh (xếp loại A).

Nơi nhận:

- Như trên;
- C/ty TNHH MTV KTTL;
- Lãnh đạo sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.(LTHL)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhựt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.349.552.064	96.704.918.694
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	113.349.552.064	96.704.918.694
4	4. Giá vốn hàng bán	VI.19	98.380.700.338	82.269.385.524
5	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.968.851.726	14.435.533.170
6	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	1.546.189.347	1.225.667.077
7	7. Chi phí tài chính		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
8	8. Chi phí bán hàng		-	-
9	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	8.955.427.702	7.327.374.084
10	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.559.613.371	8.333.826.163
11	11. Thu nhập khác	VI.22	190.613.272	437.102.428
12	12. Chi phí khác	VI.23	7.656.950	32.899.319
13	13. Lợi nhuận khác		182.956.322	404.203.109
14	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.742.569.693	8.738.029.272
15	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.24	804.649.765	780.567.781
16	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		6.937.919.928	7.957.461.491

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Lê Phạm Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH
V/v thống nhất phân phối lợi
nhuận và trích lập các quỹ năm
2023 của Công ty TNHH MTV
Khai thác công trình thủy lợi.

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tại công văn số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và Văn bản số 401/BC-KSV ngày 07/8/2024 của Kiểm soát viên; Và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số/STC-VP ngày .../8/2024.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số/STC-VP ngày...../8/2024.
2. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm thực hiện việc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ năm 2023 theo đúng quy định./.

Nơi nhận: *Nh*

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Minh Hoàng

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 616 /TTr-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

Kính gửi : Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính Phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính Phủ về Thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT/BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và

công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận; Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 1315/UBND-KTTH ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc có ý kiến báo cáo tài chính năm 2023 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2023;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 26/01/2024 của Sở Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận lập Tờ trình kính đề nghị Sở Tài chính xem xét, thẩm định phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án trên, cụ thể như sau:

I. Trích lập các quỹ năm 2023 theo quy định:

Năm 2023, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận xếp loại A, người quản lý xếp loại A. Do đó theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ, phương án phân phối và trích lập các quỹ như sau:

1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 30% lợi nhuận còn lại sau thuế.
2. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động (3 tháng tiền lương thực hiện năm 2023): $34.383.699.995 \text{ đồng}/12 \text{ tháng} \times 3 \text{ tháng} = 8.595.924.999 \text{ đồng}$
3. Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên (1,5 tháng tiền lương thực hiện năm 2023): $1.851.918.200 \text{ đồng}/12 \text{ tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 231.489.776 \text{ đồng}$.

II. Nguồn kinh phí trích lập các quỹ: từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023: 6.937.919.928 đồng

Do Công ty không tách riêng được chi phí của việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí, lợi nhuận theo tiêu thức doanh thu. (*tỷ lệ doanh thu của 02 hoạt động chính là cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác*). Vì vậy, lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận còn lại sau thuế của việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, còn lại là lợi nhuận của việc thực hiện sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác.

Đồng thời, theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 12 Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 quy định: *“Doanh nghiệp thực hiện hình thức giao nhiệm vụ không sử dụng kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích để trích 02 quỹ khen thưởng phúc lợi; Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện trích lập theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và được hỗ trợ một phần kinh phí trích lập quỹ theo khả năng ngân sách:*

- *Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương;*
- *Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;”*

Vì vậy, Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau: **Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty là: 6.937.919.928 đồng bao gồm:**

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW cấp hỗ trợ: 3.790.030.820 đồng.

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu, hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ khác và lợi nhuận từ hoạt động khác là: 3.147.889.108 đồng.

Căn cứ lợi nhuận sau thuế hiện có, Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 30% lợi nhuận sau thuế : 2.081.375.978 đồng ✓
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động: 3.147.889.108 đồng
 - Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên: 0 đồng.
- (Lợi nhuận còn lại sau thuế được phép trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động không đủ 3 tháng tiền lương nên Công ty không thực hiện trích lập quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên)*

- Lợi nhuận còn lại sau thuế sau khi trích lập các quỹ phải nộp về ngân sách nhà nước là: 1.708.654.842 đồng. ✍

(Kèm theo phương án phân bổ lợi nhuận năm 2023)

Trên đây là nội dung đề nghị phê duyệt phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, kính đề nghị Sở Tài chính xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để Công ty có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch Công ty;
- KSV, Ban GD Công ty;
- Ban KSNB;
- Lưu VT, TV_{VPBT}.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Công Xung



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023 - DOANH NGHIỆP XẾP LOẠI A

theo Tờ trình số: 616.../TTTr - CT ngày ..06/..08./2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi tự thu, và thu từ sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, và doanh thu từ hoạt động khác	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế	6.937.919.928	3.147.889.108	
2	Tổng quỹ lương của người lao động	34.383.699.995		
3	Tổng quỹ lương, thù lao người quản lý và kiểm soát viên	1.851.918.200		
4	Phương án trích lập các quỹ			
4.1	Quỹ đầu tư phát triển			
	Được phép trích			
	Hiện có	2.081.375.978		tỷ lệ 30%
	Còn thiếu	2.081.375.978		
4.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi			
	Được phép trích			
	Hiện có		8.595.924.999	3 tháng tiền lương
	Còn thừa/thiếu		3.147.889.108	
			(5.448.035.891)	
4.3	Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên			
	Được phép trích			
	Hiện có		231.489.775	1,5 tháng tiền lương
	Còn thiếu		(231.489.775)	
4.4	Lợi nhuận từ SPDV công ích thủy lợi còn lại phải nộp về NSNN	1.708.654.842	1.708.654.842	
5	Đề nghị Ngân sách hỗ trợ quỹ khen thưởng phúc lợi còn thiếu		5.679.525.666	



BND TỈNH NINH THUẬN
TY TNHH MTV KHAI THÁC
RÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÂN BỐ LỢI NHUẬN THEO TỶ LỆ DOANH THU CHÍNH NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số: 616./TTtr - CT ngày 06.08.2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Tổng cộng	DOANH THU ĐƯỢC NSTW HỖ TRỢ		DOANH THU HOẠT ĐỘNG KHÁC		
			Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSNN hỗ trợ	Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	Thu từ hoạt động khác	
1	Tổng doanh thu	115.086.354.683	71.411.213.000	568.328.314	41.370.010.750	1.736.802.619	
	Tỷ lệ %		63,00	0,50	36,50		
2	Tổng chi phí	107.343.784.990	67.621.182.180	538.165.238	39.178.207.572	6.230.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	7.742.569.693	3.790.030.820	30.163.076	2.191.803.178	1.730.572.619	
4	Thuế TNDN phải nộp	804.649.765			458.535.241	346.114.524	
5	Lợi nhuận sau thuế	6.937.919.928	3.790.030.820	30.163.076	1.733.267.937	1.384.458.095	
	Trong đó						
5.1	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi được NSNN hỗ trợ	3.790.030.820			3.147.889.108		
5.2	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi tự thu, và thu từ sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, và doanh thu từ hoạt động khác	3.147.889.108					

BIÊN BẢN HỌP

Về việc xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 ngày 26 tháng 01 năm 2024; Tại Phòng họp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

I. Thành phần tham dự họp:

- Đại diện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:
 - Ông Trần Đức Long - Phó Giám đốc Sở; Đại diện Hội đồng tham định Quỹ tiền lương - Đơn giá tiền lương tỉnh Ninh Thuận; Chủ trì;
 - Ông Ngô Huỳnh Duy Lâm - Chuyên viên phòng LĐ-GDNN.
- Đại diện Sở Tài chính:
 - Bà Huỳnh Trà Phương Thanh – Phó Chánh Văn phòng.
- Đại diện Cục Thuế tỉnh:
 - Ông Vũ Quốc Hiệp, Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra.
- Đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh:
 - Ông Phạm Ngọc Phụng - Chuyên viên Ban Chính sách pháp luật và QHLD – Nữ công.
- Đại diện Sở Nông nghiệp & PTNT:
 - Ông Bùi Tuấn Nam - Trưởng Phòng KHTC.
- Đại diện Sở Nội vụ:
 - Ông Trịnh Lâm Hải - Chuyên viên phòng QLNS.
- Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Ninh Thuận:
 - Ông Nguyễn Công Xung - Chủ tịch công ty;
 - Ông Lê Phạm Hòa Bình - Giám đốc;
 - Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm soát viên chuyên trách;
 - Ông Lê Phước - Kế toán trưởng; và các nhân viên có liên quan.

II. Nội dung:

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2023 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý; Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 12/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2024 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý; Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh điện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích

thủy lợi năm 2023 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định quỹ tiền lương, đơn giá tiền lương tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc tổ chức lại Hội đồng thẩm định quỹ tiền lương, đơn giá tiền lương tỉnh Ninh Thuận;

Tiếp nhận Tờ trình số 02/TTr-CTKTTL ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Người quản lý; Báo cáo thẩm định số 27/BC-CT ngày 15/01/2024 của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Cuộc họp kiểm tra các hồ sơ có liên quan, bộ số liệu có các thành viên đại diện Cục Thuế, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp & PTNT đối chiếu, kiểm soát. Hội đồng xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Công ty như sau:

A. QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2023

I. CÁC CHỈ TIÊU:

1. Kế hoạch năm 2023

- Lao động bình quân kế hoạch năm 2023:	345 người
- Diện tích tưới kế hoạch năm 2023 quy đổi :	54.392 ha
- Khối lượng cung cấp nước kế hoạch năm 2023:	23.212.054 m ³
- Sản lượng kết hợp phát điện kế hoạch năm 2023:	52.328.535 KW

2. Thực hiện năm 2023

- Lao động hiện tại đến ngày 31/12/2023:	327 người
- Lao động bình quân thực hiện năm 2023:	311 người
- Diện tích tưới thực hiện năm 2023 quy đổi :	59.564 ha
- Khối lượng cung cấp nước thực hiện năm 2023:	33.295.386 m ³
- Sản lượng kết hợp phát điện thực hiện năm 2023:	154.332.991 KW
- Doanh thu bán điện năm 2023:	153.756.632.368 đồng

II. MỨC TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN KẾ HOẠCH NĂM 2023:

- Tiền lương kế hoạch năm 2023 theo Quyết định 26/QĐ-CTKTTL ngày 01/02/2023 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận: **28.323.198.960 đồng**. Trong đó:

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 theo diện tích:
 $22.785.123.420 : 345 : 12 = 5.503.653$ đồng/người/tháng

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 theo khối lượng cung cấp nước:
 $2.715.256.260 : 345 : 12 = 655.859$ đồng/người/tháng

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 theo chế độ:
 $936.683.280 : 345 : 12 = 226.252$ đồng/người/tháng

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 theo kết hợp phát điện:
 $1.886.136.000 : 345 : 12 = 455.588$ đồng/người/tháng

III. QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2023:

1. Tiền lương thực hiện theo diện tích năm 2023

a) Năng suất lao động bình quân

Năng suất lao động kế hoạch 2023 theo ha

$$W_{kh2023} = \frac{54.392}{345} = 157,66 \text{ ha/người}$$

Năng suất lao động thực hiện 2023 theo ha

$$W_{th2023} = \frac{59.564}{311} = 191,52 \text{ ha/người}$$

Vậy năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2023 là 191,52 ha/người cao hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2023 là 157,66 ha/người. Theo khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 9 Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện tăng so với kế hoạch năm 2023 thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo công thức (1) như sau:

$$TL_{bqth} = TL_{bqkh} + TL_{bqkh} \times \left(\frac{W_{th}}{W_{kh}} - 1 \right) \times H_{tlns}$$

Do Công ty là doanh nghiệp hoạt động công ích nên theo khoản 6, Điều 9, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì Công ty được thay chỉ tiêu lợi nhuận bằng chỉ tiêu khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích để xác định mức tiền lương kế hoạch và mức điều chỉnh tăng năng suất lao động tính theo khối lượng sản phẩm thực hiện so với kế hoạch năm 2023.

Diện tích tưới thực hiện năm 2023 quy đổi (59.564 ha) cao hơn diện tích kế hoạch quy đổi năm 2023 (54.392 ha) nên Công ty chọn hệ số tối đa là 1,0.

b) Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 theo diện tích là

$$\begin{aligned} TL_{bqth} &= 5.503.653 + 5.503.653 \times \left(\frac{191,52}{157,66} - 1 \right) \times 1,0 \\ &= 5.503.653 \times 1,21 = 6.659.420 \text{ đồng/người/tháng} \end{aligned}$$

c) Quỹ tiền lương thực hiện theo diện tích năm 2023

$$6.659.420 \times 311 \times 12 = 24.852.955.440 \text{ đồng (1)}$$

2. Tiền lương thực hiện theo khối lượng nước cung cấp năm 2023

a) Năng suất lao động bình quân theo khối lượng nước cung cấp

Năng suất lao động kế hoạch theo m³

$$W_{bqkh} = \frac{23.212.054}{345} = 67.281 \text{ m}^3/\text{người}$$

Năng suất lao động thực hiện theo m³

$$W_{bqth} = \frac{33.295.386}{311} = 107.059 \text{ m}^3/\text{người}$$

Vậy năng suất lao động BQ thực hiện năm 2023 là 107.059 m³/người cao hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch là 67.281 m³/người. Theo khoản 1, Điều 9, TT số 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện tăng so với kế hoạch năm 2023 thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng công thức sau:

$$TL_{bqth} = TL_{bqkh} + TL_{bqkh} \times \left(\frac{W_{th}}{W_{kh}} - 1 \right) \times H_{tlns}$$

Sản lượng dịch vụ cung cấp nước thực hiện 2023 (23.212.054 m³) cao hơn kế hoạch năm 2023 (33.295.386 m³) nên Công ty chọn hệ số tối đa là: 1,0

b) Mức tiền lương bình quân thực hiện theo khối lượng nước cung cấp năm 2023

$$\begin{aligned} TL_{bqth} &= 655.859 + 655.859 \times \left(\frac{107.059}{67.281} - 1 \right) \times 1,0 \\ &= 655.859 \times 1,59 = 1.042.816 \text{ đồng} \end{aligned}$$

c) Quỹ tiền lương thực hiện theo khối lượng nước cung cấp năm 2023

$$1.042.816 \times 311 \times 12 = 3.891.789.312 \text{ đồng (2)}$$

3. Tiền lương kết hợp phát điện:

a) Năng suất lao động bình quân theo kết hợp phát điện:

Năng suất kết hợp phát điện kế hoạch năm 2023:

$$W_{bqkh} = \frac{52.328.535}{345} = 151.677 \text{ KW}$$

Năng suất kết hợp phát điện thực hiện năm 2023:

$$W_{bqth} = \frac{154.332.991}{311} = 496.248 \text{ KW}$$

Vậy, năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2023 là 496.248 Kw cao hơn năng suất bình quân kế hoạch là 151.677 KW. Theo khoản 1, Điều 9, TT số 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện tăng so với kế hoạch năm 2023 thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng công thức (1) như sau:

$$TL_{bqth} = TL_{bqkh} + TL_{bqkh} \times \left(\frac{W_{th}}{W_{kh}} - 1 \right) \times H_{tlns}$$

Sản lượng dịch vụ kết hợp phát điện thực hiện 2023 (52.328.535 KW) cao hơn kế hoạch năm 2023 (154.332.991 KW) nên sau khi cân đối tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh Công ty chọn hệ số là: 0,8.

b) Mức tiền lương bình quân thực hiện theo kết hợp phát điện năm 2023

$$\begin{aligned} TL_{bqth} &= 455.588 + 455.588 \times \left(\frac{496.248}{151.677} - 1 \right) \times 0,8 \\ &= 455.588 + 827.348 = 1.282.936 \text{ đồng} \end{aligned}$$

c) Quỹ tiền lương thực hiện dịch vụ kết hợp phát điện năm 2023:

$$1.282.936 \times 311 \times 12 = 4.787.917.152 \text{ đồng (3)}$$

4. Tiền lương thực hiện theo chế độ (Tiền lương thời gian nghỉ lễ, tết)

Cộng mức lương và phụ cấp lương : 6.467.989 đồng

Lao động bình quân năm 2023: 311 người

Quỹ tiền lương nghỉ lễ, tết chưa tính trong đơn giá tiền lương năm 2023 là:

$$6.467.989 \text{ đồng/tháng} \times 311 \text{ người} \times 11 \text{ ngày} = 851.038.091 \text{ đồng (4)}$$

IV. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2023 là:

$$24.852.955.440 + 3.891.789.312 + 4.787.917.152 + 851.038.091 = 34.383.699.995 \text{ đồng}$$

B. QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2023

I. Các chỉ tiêu:

Diện tích sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch: 54.392 ha

Diện tích sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện: 59.564 ha

1. Số người quản lý: 6 người (01 Chủ tịch Công ty; 01 Phó giám đốc phụ trách (giám đốc); 02 Phó giám đốc; 01 Kiểm soát viên chuyên trách; 01 Kế toán trưởng)

- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch được duyệt: **1.598.063.976 đồng** (giảm 1,5% so với mức lương tại Phụ lục II, Nghị định 52/2016/ND-CP) tại Văn bản số 289/UBND-KTTH ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 đối với Người quản lý Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận. Tuy nhiên, tháng 5/2023 Công ty xếp lại hạng Doanh nghiệp và được thăng từ hạng II lên hạng I. Công ty đã lập Tờ trình số 338/TTr-CTKTTL ngày 30/5/2023 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc đề nghị phê duyệt bổ sung quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của người quản lý Công ty.

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2023 sau khi được điều chỉnh là: 1.683.562.000 đồng. Trong đó:

- + Quỹ tiền lương kế hoạch: 1.631.160.000 đồng
- + Quỹ thù lao kế hoạch: 52.402.000 đồng
- + Mức tiền lương bình quân kế hoạch được duyệt:

$$1.631.160.000 : 6 : 12 = 22.655.000 \text{ đồng/người/tháng}$$

Năm 2023, Công ty bảo toàn và phát triển vốn Nhà Nước. Nộp ngân sách theo đúng quy định. Năng suất lao động thực hiện đạt 9.927 ha/người cao hơn năng suất kế hoạch năm 2023 là 9.065 ha/người. Cụ thể:

$$Wkh2023 = \frac{54.392}{6} = 9.065 \text{ ha/người}$$

$$Wth2023 = \frac{59.564}{6} = 9.927 \text{ ha/người}$$

Theo điểm b, khoản 1, Điều 15, Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện và chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích (thay bằng lợi nhuận) thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 1%, nhưng tối đa không quá 20% so với mức tiền bình quân kế hoạch. Tỷ lệ tăng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (thay bằng lợi nhuận):

$$\left(\frac{59.564}{54.392} - 1 \right) \times 100\% = 9,51\% \text{ (Làm tròn thành 10\%)}$$

2. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023:

$$1.631.160.000 + 1.631.160.000 \times 10\% = 1.794.276.000 \text{ (đồng) (1)}$$

3. Quỹ thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2023:

$$52.402.000 + 52.402.000 \times 10\% = 57.642.200 \text{ (đồng) (2)}$$

II. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của người quản lý (1)+(2):

$$1.794.276.000 + 57.642.200 = 1.851.918.200 \text{ đồng}$$

C. QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2024

I. CÁC CHỈ TIÊU:

1. Thực hiện năm 2023

- Lao động bình quân thực hiện năm 2023: 311 người
- Diện tích tưới thực hiện năm 2023 quy đổi: 59.564 ha
- Khối lượng cung cấp nước thực hiện năm 2023: 33.295.386 m³
- Sản lượng kết hợp phát điện thực hiện năm 2023: 154.332.991 KW
- Doanh thu bán điện thực hiện năm 2023: 153.756.632.368 đồng

2. Kế hoạch năm 2024

- Lao động kế hoạch năm 2024: 369 người

- Diện tích tưới kế hoạch năm 2024 quy đổi :	55.993 ha
- Khối lượng cung cấp nước kế hoạch năm 2024:	27.391.059 m ³
- Sản lượng kết hợp phát điện kế hoạch năm 2024:	150.602.410 KW
- Doanh thu bán điện kế hoạch năm 2024:	150.000.000.000 đồng

II. QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Quỹ tiền lương kế hoạch theo diện tích năm 2024

a) Năng suất lao động bình quân: Năng suất lao động thực hiện năm 2023 theo ha

$$Wbqth2023 = \frac{59.564}{311} = 191,52 \quad \text{ha/người}$$

Năng suất lao động kế hoạch năm 2024 theo ha

$$Wbqkh2024 = \frac{55.993}{369} = 151,74 \quad \text{ha/người}$$

Năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2024 là 151,74 ha/người thấp hơn năng suất lao động thực hiện năm 2023 là 191,52 ha/người. Sản phẩm dịch vụ công ích là diện tích quy đổi kế hoạch năm 2024 là 55.993 ha thấp hơn diện tích quy đổi thực hiện năm 2023 là 59.564 ha.

Tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công thức (8) cụ thể như sau:

$$TLbqkh = TLbqth - TLns - TLsp$$

Khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động được xác định theo công thức (7):

$$TLnslđ = TLnsth \times \left(1 - \frac{Wkh}{Wth} \right) \times 0,8$$

$$TLnslđ = 6.659.420 \times \left(1 - \frac{151,74}{191,52} \right) \times 0,8$$

$$= 1.118.783 \text{ đồng}$$

Khoản tiền lương giảm theo sản phẩm được xác định theo công thức (5):

$$TLsp = TLnsth \times \left(1 - \frac{Pkh}{Pth} \right) \times 0,2$$

$$TLsp = 6.659.420 \times \left(1 - \frac{55.993}{59.564} \right) \times 0,2$$

$$= 79.913 \text{ đồng}$$

b) Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024 theo diện tích là:

$$TLkh2024 = TLbqth2023 - TLnslđ - TLsp$$

$$= 6.659.420 - 1.118.783 - 79.913 = 5.460.724 \text{ đồng/người}$$

c) Quỹ tiền lương kế hoạch theo diện tích năm 2024

$$5.460.724 \times 369 \times 12 = 24.180.085.872 \text{ đồng (1)}$$

2. Tiền lương kế hoạch theo khối lượng nước cung cấp năm 2024

a) Năng suất lao động bình quân theo khối lượng nước cung cấp

Năng suất lao động thực hiện năm 2023 theo m³

$$Wbqth2023 = \frac{33.295.386}{311} = 107.059 \quad \text{m}^3/\text{người}$$

Năng suất lao động kế hoạch 2024 theo m³

$$W_{bqkh2024} = \frac{27.391.059}{369} = 74.231 \text{ m}^3/\text{người}$$

Sản lượng dịch vụ cung cấp nước thực hiện năm 2023 33.295.386 m³

Sản lượng dịch vụ cung cấp nước kế hoạch năm 2024 27.391.059 m³

Năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2024 là 74.231 m³/người thấp hơn năng suất lao động thực hiện năm 2023 là 107.059 m³/người. Sản lượng dịch vụ cung cấp nước kế hoạch năm 2024 là 27.391.059 m³ thấp hơn thực hiện năm 2023 là 33.295.386 m³.

Do đó, tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công thức (8) cụ thể như sau:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} - TL_{ns} - TL_{ln}$$

Khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động được xác định theo công thức (7)

$$TL_{nsgd} = TL_{bqthnt} \times \left(1 - \frac{W_k}{W_t}\right) \times 0,8 \quad (7)$$

Tiền lương năng suất lao động năm 2024 giảm:

$$TL_{khnsgd} = 1.042.816 \times \left(1 - \frac{74.231}{107.059}\right) \times 0,8 = 258.618 \text{ đồng}$$

b) Tiền lương kế hoạch theo sản lượng dịch vụ cung cấp nước năm 2024 giảm:

Áp dụng công thức (5) Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH

$$TL_{sp} = TL_{bqthnt} \times \left(1 - \frac{P_{kh}}{P_{tht}}\right) \times 0,2 \quad (5)$$

$$TL_{sp} = 1.042.816 \times \left(1 - \frac{27.391.059}{33.295.386}\right) \times 0,2 = 37.541 \text{ đồng}$$

c) Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024 theo khối lượng nước cung cấp là:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} - TL_{ns} - TL_{sp}$$

$$1.042.816 - 258.618 - 37.541 = 746.657 \text{ đồng/người/tháng}$$

d) Quỹ tiền lương kế hoạch theo khối lượng nước cung cấp:

$$746.657 \times 369 \times 12 = 3.306.197.196 \text{ đồng (2)}$$

3. Tiền lương kết hợp phát điện kế hoạch năm 2024:

a) Năng suất lao động bình quân theo kết hợp phát điện

Doanh thu kế hoạch năm 2024: 150.000.000.000 đồng

$$\text{Sản lượng điện kế hoạch năm 2024} = \frac{150.000.000.000}{996} = 150.602.410 \text{ KW/người}$$

Năng suất lao động thực hiện năm 2023 theo KW:

$$W_{bqth2023} = \frac{154.332.991}{311} = 496.248 \text{ KW/người}$$

Năng suất lao động kế hoạch 2024 theo KW:

$$W_{bqkh2024} = \frac{150.602.410}{369} = 408.137 \text{ KW/người}$$

Sản lượng dịch vụ kết hợp phát điện thực hiện năm 2023 154.332.991 KW

Sản lượng dịch vụ kết hợp phát điện kế hoạch năm 2024 150.602.410 KW

+ Năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2024 là 408.137 Kw/người thấp hơn năng suất lao động thực hiện năm 2023 là 496.248 Kw/người.

+ Sản lượng dịch vụ kết hợp phát điện kế hoạch năm 2024 là 150.602.410 Kw thấp hơn thực hiện năm 2023 là 154.332.991 Kw.

Do đó, tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Công thức (8) cụ thể như sau:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} - TL_{ns} - TL_{ln}$$

Khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động được xác định theo công thức (7)

$$TL_{nstd} = TL_{bqthnt} \times \left(1 - \frac{W_k}{W_t} \right) \times 0,8 \quad (7)$$

Tiền lương năng suất lao động năm 2024 giảm:

$$TL_{khnstd} = 1.282.936 \times \left(1 - \frac{408.137}{496.248} \right) \times 0,8 = 184.743 \text{ đồng}$$

b) Tiền lương kế hoạch theo dịch vụ kết hợp phát điện năm 2024 giảm:

Áp dụng công thức (5) Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH

$$TL_{sp} = TL_{bqthnt} \times \left(1 - \frac{P_{kh}}{P_{thu}} \right) \times 0,2 \quad (5)$$

$$TL_{sp} = 1.282.936 \times \left(1 - \frac{150.602.410}{154.332.991} \right) \times 0,2 = 5.132 \text{ đồng}$$

c) Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024 theo kết hợp phát điện là:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} - TL_{ns} - TL_{sp}$$

$$1.282.936 - 184.743 - 5.132 = 1.093.061 \text{ đồng/người/tháng}$$

d) Quỹ tiền lương kế hoạch theo kết hợp phát điện:

$$1.093.061 \times 369 \times 12 = 4.840.074.108 \text{ đồng (3)}$$

4. Tiền lương theo chế độ kế hoạch năm 2024

Lao động bình quân thực hiện năm 2023 là 311 người

Tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 theo chế độ là:

$$851.038.091 : 311 : 12 = 228.038 \text{ đồng/người/tháng}$$

Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024 theo chế độ là:

$$228.038 \times 369 \times 12 = 1.009.752.264 \text{ đồng (4)}$$

5. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 là : (1) + (2) + (3) + (4)

$$24.180.085.872 + 3.306.197.196 + 4.840.074.108 + 1.009.752.264 = 33.336.109.440 \text{ đồng}$$

D. QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO KẾ HOẠCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2024

I. Các chỉ tiêu:

Diện tích sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện: 59.564 ha

Diện tích sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch: 55.993 ha

1. Số người quản lý: 6 người (01 Chủ tịch Công ty; 01 Giám đốc; 02 Phó giám đốc; 01 Kiểm soát viên chuyên trách; 01 Kế toán trưởng)

2. Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024

Căn cứ Phụ lục II ban hành theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 mức tiền lương theo các chức danh cụ thể như sau:

Chủ tịch công ty	27.000.000	đồng
Giám đốc	26.000.000	đồng
Phó giám đốc, kiểm soát viên chuyên trách	23.000.000	đồng
Kế toán trưởng	21.000.000	đồng

Mức tiền lương bình quân cơ bản:

$$[27.000.000 + 26.000.000 + (23.000.000 \times 3) + 21.000.000] : 6 = 23.833.333 \text{ đồng/người/tháng}$$

Năm 2024, Công ty bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Nộp ngân sách theo đúng quy định. Năng suất lao động giảm

$$\begin{aligned} \text{Wth 2023} &= \frac{59.564}{6} = 9.927 \text{ ha/ người} \\ \text{Wkh2024} &= \frac{55.993}{6} = 9.332 \text{ ha/ người} \end{aligned}$$

Năng suất lao động kế hoạch 2024 thấp hơn năng suất lao động thực hiện năm 2023. Lợi nhuận thay bằng sản phẩm dịch vụ công ích (quy đổi)

Sản phẩm dịch vụ công ích quy đổi kế hoạch năm 2024 thấp hơn so với thực hiện năm 2023 tỷ lệ:

$$\left(1 - \frac{55.993}{59.564} \right) \times 100\% = 6,00\%$$

Công ty hoạt động công ích không vì mục tiêu lợi nhuận nên chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu khối lượng sản phẩm dịch vụ. Trong đó, sản phẩm dịch vụ kế hoạch năm 2024 là 55.993 ha thấp hơn thực hiện năm 2023 là 59.564 ha. Quy đổi tỷ lệ giảm 6% nên mức tiền lương bình quân kế hoạch giảm 3% (Theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Thông tư số 27/20216/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Mức tiền lương bình quân kế hoạch

$$23.833.333 - (23.833.333 \times 3\%) = 23.118.333 \text{ đồng/ người/ tháng}$$

3. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách

$$23.118.333 \times 6 \times 12 = 1.664.519.976 \text{ đồng (1)}$$

II. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2024 của Kiểm soát viên không chuyên trách:

Số lượng: 1 người. Mức thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách được tính bằng 20% tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách được tính cụ thể như sau:

$$[(23.000.000 - (23.000.000 \times 3\%)] \times 20\% = 4.462.000 \text{ đồng/người/tháng}$$

Quỹ thù lao kế hoạch của kiểm soát viên không chuyên trách:

$$4.462.000 \times 12 = 53.544.000 \text{ đồng (2)}$$

III. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2024 (1)+(2):

$$1.664.519.976 + 53.544.000 = 1.718.063.976 \text{ đồng}$$

E. KẾT LUẬN

- Tổng Quỹ tiền lương thực hiện 2023 của người lao động: 34.383.699.995 đồng.
- Tổng Quỹ tiền lương kế hoạch 2024 của người lao động: 33.336.109.440 đồng.
- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2023 của người quản lý: 1.851.918.200 đồng.
- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch 2024 của người quản lý: 1.718.063.976 đồng.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày. Thư ký đọc lại cho tất cả thành viên dự họp nghe và thống nhất ký vào biên bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.


**Công ty TNHH MTV
Khai thác công trình thủy lợi**

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội




Sở Tài Chính

Sở Nội vụ



Huỳnh Trà Phương Thanh



Trịnh Lâm Hải


Cục Thuế tỉnh

Sở Nông nghiệp & PTNT



Bùi Cảnh Nam

Liên đoàn Lao động tỉnh



Phạm Ngọc Phương

Số: 401 /BC-KSV

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc thẩm định phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính.

Tiếp nhận Tờ trình số 616/TTr-CTKTTL ngày 06/8/2024 của Chủ tịch Công ty về việc đề nghị phê duyệt phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận báo cáo kết quả thẩm định phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày

08/3/2018; Nghị định số 121/2020/ NĐ-CP ngày 09/10/2020; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

- Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

2. Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu:

- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận; Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 03/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

- Văn bản số 1315/UBND-KTTH ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc có ý kiến báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

- Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2023.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động doanh nghiệp năm 2023

- Báo cáo tài chính:

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-CTKTTL ngày 28/3/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023, lợi nhuận sau thuế là **6.937.919.928 đồng**, bao gồm:

+ Từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW cấp hỗ trợ là 3.790.030.820 đồng;

+ Từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu, hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và lợi nhuận từ hoạt động khác là 3.147.889.108 đồng.

- Kết quả hoạt động doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2023. Công ty xếp loại A.

- Căn cứ điểm c, khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp (30% lợi nhuận sau thuế)

Được trích: $6.937.919.928 \text{ đồng} \times 30\% = 2.081.375.978 \text{ đồng}$.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động (03 tháng tiền lương thực hiện năm 2023)

Được trích: $(34.383.699.995 \text{ đồng}:12) \times 3 \text{ tháng} = 8.595.924.999 \text{ đồng}$

- Trích quỹ khen thưởng cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (1,5 tháng tiền lương thực hiện năm 2023)

Được trích: $(1.851.918.200 \text{ đồng}:12) \times 1,5 \text{ tháng} = 231.489.775 \text{ đồng}$

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được nộp ngân sách nhà nước.

2. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023:

Theo Tờ trình của Công ty: Do không tách riêng được các chi phí của việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí, lợi nhuận theo tiêu thức doanh thu (tỷ lệ doanh thu của 02 hoạt động). Vì vậy, lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp là từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác.

Theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước quy định:

“4. Các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi được thực hiện trích và nguồn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

Doanh nghiệp thực hiện hình thức giao nhiệm vụ không sử dụng kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích để trích 02 quỹ khen thưởng phúc lợi; căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện trích lập theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và được hỗ trợ một phần kinh phí trích lập quỹ theo khả năng ngân sách:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương;

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;”

Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2023 là **6.937.919.928 đồng** (Trong đó: hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW cấp hỗ trợ là 3.790.030.820 đồng; hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự

thu; hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác là 3.147.889.108 đồng).

Công ty trích lập quỹ phát triển của doanh nghiệp (30%); quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động từ nguồn lợi nhuận hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu, cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và thu nhập khác; số lợi nhuận còn lại từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSTW hỗ trợ sẽ nộp trả ngân sách; quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên không có để trích lập, cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp: 2.081.375.978 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: 3.147.889.108 đồng
- Trích quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: 0 đồng
- Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách nhà nước: 1.708.654.842 đồng.

* Tổng cộng: **6.937.919.928 đồng** (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười chín ngàn, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

3. Kết luận và kiến nghị:

- Kiểm soát viên thống nhất với phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 theo Tờ trình của Công ty.

- Đối với nguồn trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng còn thiếu:

- + Người lao động: 5.448.035.891 đồng (8.595.924.999 – 3.147.889.108)
- + Người quản lý, KSV: 231.489.775 đồng.

Tổng cộng: 5.679.525.666 đồng

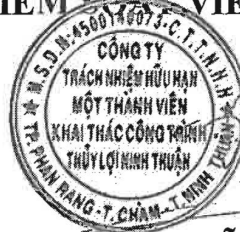
Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính, kiến nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ phần kinh phí trích lập Quỹ còn thiếu nhằm động viên, khuyến khích người lao động làm việc tại Công ty an tâm công tác, tích cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kiểm soát viên Công ty kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc Công ty;
- Phòng Tài vụ;
- Lưu Hồ sơ KSV.

TM.KIỂM SOÁT VIÊN
KIỂM SOÁT VIÊN CHUYÊN TRÁCH



Nguyễn Văn Hiếu